

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC TH
TỈNH HÒA B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2023/DS-ST
Ngày: 13 tháng 10 năm 2023
“*V/v Kiện Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC TH – TỈNH HÒA B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Hải Dương.

* *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Đức Ty;
2. Ông Phạm Anh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà: Bùi Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Th, tỉnh Hòa B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Th, tỉnh Hòa B tham gia phiên
tòa:** Bà: Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 10 năm 2023, tại: Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lạc Th, tỉnh Hòa B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 06 năm 2023 “*về việc kiện Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 09 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST - DS ngày 27 tháng 09 năm 2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị: **Hoàng Thị Th** - sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Khu 3, TT Chi N, huyện Lạc Th, tỉnh Hòa B.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Như M** – sinh năm 1978 (vắng mặt không lý do).

Chị **Nguyễn Thị Ng** - sinh năm 1982 (Vắng mặt không có lý do).

Cùng địa chỉ: Khu 3, TT Chi N, huyện Lạc Th, tỉnh Hòa B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị Th trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước, vào ngày 21 tháng 6 năm 2018 vợ chồng anh Nguyễn Như M và chị Nguyễn Thị Ng có đến nhà chị hỏi vay số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu) đồng để kinh doanh, và hẹn trong 03 tháng (đến ngày 21/9/2018 sẽ trả), hai bên có làm giấy tờ vay, và vợ chồng anh M, chị Ng ký tên xác

nhận, trong giấy vay không không thỏa thuận về lãi suất. Hết 03 tháng chị Th có hỏi để đòi lại khoản tiền cho vay, nhưng anh chị M, Ng khát lần không trả, từ đó đến nay chị Th đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh M, chị Ng trả nợ, nhưng vợ chồng anh M, chị Ng khát lần chưa trả tiền cho chị Th.

Nay chị Th yêu cầu anh M, chị Ng phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay là 100.000.000đ (một trăm triệu) đồng cho chị, ngoài ra chị Th không yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Như M, chị Nguyễn Thị Ng:

Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng và hòa giải nhưng anh M, Chị Ng vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Như M, chị Nguyễn Thị Ng thống nhất trình bày như sau:

Vào tháng 06 năm 2018, Do cần tiền để đầu tư vào công việc làm ăn nên anh M đã cùng vợ là chị Nguyễn Thị Ng có đến nhà chị Hoàng Thị Th (địa chỉ: Khu 3, TT Chi N, Lạc Th, Hoà B) để vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Hẹn trong thời gian khoảng ba tháng sẽ trả lại cho chị Th số tiền vay trên. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn, làm ảm thua lỗ nên anh M chị Ng chưa có tiền để trả cho chị Th. Nay chị Th yêu cầu anh M, chị Ng có trách nhiệm liên đới trả số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu) đồng, anh Mạnh, chị Nga đồng ý nhận trả cho chị Th số tiền đã vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu) đồng.

Trong phần tranh luận đại diện VKS nhân dân huyện Lạc Thủy phát biểu, đưa ra quan điểm như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với nguyên đơn: Đã thực hiện đúng các quy định tại điều 70, 71 BLTTDS.

- Đối với bị đơn: Bị đơn – anh Nguyễn Như Mạnh chưa thực hiện đúng các quy định tại điều 70, 72 BLTTDS, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo

thủ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ quy định tại Điều 463, Điều 466, khoản 1 điều 470 BLDS; khoản 2 điều 26, điểm a, khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 2 Điều 227 BLTTDS; khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình

Đề nghị HĐXX tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Th đối với anh Nguyễn Như M chị Nguyễn Thị Ng về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Buộc anh M chị Ng phải trả cho chị Hoàng Thị Th số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng chẵn).

Căn cứ Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, đề nghị HĐXX tuyên nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự trong vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Như Ma và chị Nguyễn Thị Ng vắng mặt không lý do, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Th đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bị đơn anh Nguyễn Như M và chị Nguyễn Thị Ng, tuy nhiên anh M, chị Ng vẫn vắng mặt không có lý do, Tại phiên tòa ngày 27 tháng 09 năm 2023, Tòa án đã hoãn phiên Tòa lần thứ nhất lý do vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa thứ hai này bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án: Ngày 21 tháng 6 năm 2018 chị Th có cho vợ chồng anh Nguyễn Như M và chị Nguyễn Thị Ng vay số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu) đồng, hai bên có làm giấy tờ vay, có chữ ký của người vay là anh Nguyễn Như M chị Nguyễn Thị Ng, trong giấy vay thỏa thuận thời gian trả tiền là vào ngày 21/9/2018 và không không thỏa thuận về lãi suất.

Nay chị Thương yêu cầu vợ chồng anh M, chị Ng phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay là 100.000.000đ (một trăm triệu) đồng cho chị, ngoài ra chị Th không yêu cầu gì khác. Tại bản tự khai Anh Ma, chị Ng cũng thống nhất thừa nhận là có vay chị thương số tiền trên tuy nhiên do làm ăn thua lỗ nên chưa thu xếp để trả cho chị Th được. Từ đó có đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp trên là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc trường hợp vay có thời hạn và không có lãi được quy định tại khoản 3 điều 26 BLTTDS và Điều 463, khoản 1 Điều 470 BLDS.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, chị Hoàng Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Như M, chị Nguyễn Thị Ng phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay là 100.000.000đ (một trăm triệu) đồng đã vay vào ngày 21 tháng 6 năm 2018. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị Th đã cung cấp cho Tòa án giấy vay tiền mà theo chị Th là do vợ chồng anh Ma, chị Ng viết và ký tên tại thời điểm ngày 21/6/2018.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2, khoản 4 điều 91 BLTTDS có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

Tại bản tự khai Anh M, chị Ng cũng thống nhất thừa nhận là có viết giấy và có vay chị Thương số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu) đồng để làm vốn kinh doanh, tuy nhiên do làm ăn thua lỗ nên chưa thu xếp để trả cho chị Th được. Vì vậy, cần buộc anh Ma, chị Ng có trách nhiệm liên đới phải trả cho chị Th số tiền trên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình.

Về lãi xuất chị Th không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của chị Th được chấp nhận nên cần buộc anh M, chị Ng phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm và hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho chị Hoàng Thị Th là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 điều 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Th về việc buộc vợ chồng anh Nguyễn Như M và chị Nguyễn Thị Ng phải trả số tiền vay ngày 21 tháng 6 năm 2018.

1. Buộc anh Nguyễn Như M và chị Nguyễn Thị Ng liên đới phải trả cho chị Hoàng Thị Th số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Như M, chị Nguyễn Thị Ng phải nộp 5.000.000đ (Năm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Hoàng Thị Th số tiền tạm ứng án phí 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000 255 ngày 07/06/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Th, tỉnh Hoà B.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hoà Bình xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa B;
- VKSND huyện Lạc Th;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Th;
- Các đương sự;
- UBND TT Chi N.
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Vũ Hải Dương

